

Bản án số: 44/2024/DS-PT

Ngày: 18 - 6- 2024.

V/v: *Chia thừa kế tài sản theo pháp luật;*

T/c Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Trang.

Các Thẩm phán: Ông Cao Thiệu Vinh;

Bà Phạm Thị Anh Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoàng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “*Chia thừa kế tài sản theo pháp luật; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2024/QĐ-PT ngày 25/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐ-PT ngày 29/5/2024 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1962;

2. ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Tấn H**, sinh năm 1966;

Ông **Nguyễn Tấn Q**, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ **Với nguyên đơn:**

3.1. **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

3.2. Bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

3.3. Ông **Nguyễn Tấn H3**, sinh năm 1975;

3.4. Ông **Nguyễn Tấn H4**, sinh năm 1978;

3.5. Ông **Nguyễn Tấn C**, sinh năm 1983;

3.6. Ông **Nguyễn Tấn H5**, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ **Với bị đơn:**

3.7. Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1990;

3.8. Ông **Nguyễn Tấn Á**, sinh năm 1991;

3.9. Ông **Nguyễn Tấn Q1**, sinh năm 1991;

3.10. Ông **Nguyễn Tấn Q2**, sinh năm 1994;

3.11. Bà **Phan Thị Thu H6**, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Tất cả các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

4. *Người kháng cáo:* Ông **Nguyễn Tấn H** là bị đơn và ông **Nguyễn Tấn Á** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2022 cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Nguồn gốc nhà và đất tranh chấp thuộc thửa đất số 447, tờ bản đồ số 6 xã P là do cha mẹ bà chết để lại. Cha bà là cụ Nguyễn Văn C1 (chết năm 2020) và mẹ là cụ Nguyễn Thị L (chết năm 2018) đều không để lại di chúc, không tặng cho ai phần đất này, cũng không có nghĩa vụ gì với ai. Cha mẹ bà sinh được 09 người con gồm bà là Nguyễn Thị M và các em bà là Nguyễn Tấn H, Nguyễn Tấn Q, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Tấn H3, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Tấn C và Nguyễn Tấn H5, ngoài ra cha mẹ bà không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Thửa số 477, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.927m² tọa lạc tại xã P được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 014220, ngày 04/11/2003 cho cha bà là Nguyễn Văn C1. Tuy nhiên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi là Nguyễn C1 là do nhầm lẫn về tên nhưng Nguyễn Văn C1 và Nguyễn C1 là một.

Hiện tại thửa đất số 447 do ông Nguyễn Tấn H, Nguyễn Tấn Q, Nguyễn Tấn H5 đang quản lý và sử dụng. Phần đất ông H đang quản lý có 02 căn nhà của các con ông H là Nguyễn Tấn T, Nguyễn Tấn Á cùng một số cây táo đang cho thu hoạch. Phần đất ông Nguyễn Tấn Q quản lý có 02 căn nhà của các con ông Q là Nguyễn Tấn Q1, Nguyễn Tấn Q2. Phần đất ông Nguyễn Tấn H5 đang quản lý có một căn nhà từ đường. Ngoài ra trên một phần đất tranh chấp còn có một căn nhà của Nguyễn Tấn H3 và một căn nhà của Nguyễn Tấn H4 đang quản lý sử dụng.

Nay các anh chị em không thỏa thuận được việc chia thừa kế đất do cha mẹ để lại, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 447, tờ bản đồ số 6 xã P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.927m², qua xem xét, thẩm định diện tích tranh chấp là 3.934m². Bà yêu cầu chia diện tích 3.934m² do cha mẹ để lại cho những người hưởng thừa kế, kỹ phần của bà được hưởng bà xin nhận bằng hiện vật. Riêng căn nhà cấp 4, diện tích 66,3m² do cha mẹ để lại hiện ông H5 đang quản lý. Ngoài sử dụng, bà đồng ý giao cho ông H5 được sở hữu, không có tranh chấp, trên đất còn một số loại cây ăn trái do cha mẹ trồng như: dứa, me, vú sữa, ôi... đã già cỗi, nên cũng không tranh chấp.

2. Bị đơn:

2.1. Bị đơn ông Nguyễn Tấn H trình bày:

Nguồn gốc nhà đất tranh chấp số 447 tờ bản đồ số 6 xã P là do cha mẹ để lại như nguyên đơn trình bày là đúng. Cha ông tên Nguyễn Văn C1 (chết năm 2020), mẹ ông tên Nguyễn Thị L (chết năm 2018) không để lại di chúc, cũng không có nghĩa vụ gì với ai. Cha mẹ ông sinh được 09 người con gồm các ông (bà) Nguyễn Thị M, Nguyễn Tấn H (là ông), Nguyễn Tấn Q, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Tấn H3, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Tấn C và Nguyễn Tấn H5, ngoài ra cha mẹ ông không có con nuôi hay con riêng nào khác. Năm 2003, lúc cha mẹ ông còn sống có cho ông một phần đất tranh chấp này diện tích khoảng 800m² có ranh rào, việc tặng cho đất chỉ nói bằng miệng, chưa làm thủ tục tách thửa đứng tên. Năm 2013 ông cho con ông là Nguyễn Tấn T xây nhà trên đất. Năm 2019 ông tiếp tục cho một phần đất cho con trai ông là Nguyễn Tấn Á xây nhà. Phần đất còn lại ông quản lý và trồng táo. Ông không đồng ý chia thừa kế toàn bộ thửa đất tranh chấp qua đo đạc 3.934m² theo yêu cầu của bà M. Ông chỉ đồng ý chia phần đất ông Nguyễn Tấn H5 đang quản lý và sử dụng cho những người được hưởng thừa kế khác, ông không nhận phần đất này vì ông đã được cha mẹ tặng cho đất. Riêng căn nhà cấp 4, diện tích 66,3m² do cha mẹ để lại hiện ông

H5 đang quản lý sử dụng, ông đồng ý giao cho ông H5 được sở hữu, không có tranh chấp. Ngoài ra trên đất còn một số loại cây ăn trái do cha mẹ trồng như: dứa, me, vú sữa, ổi... đã già cỗi, nên cũng không tranh chấp.

Tại phiên tòa ông vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và công nhận phần đất 800m² cha mẹ ông tặng cho ông. Việc ông cho lại đất các con ông xây nhà, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết tặng cho giữa ông và các con ông.

Ngày 04/11/2003 UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cha ông là Nguyễn C1 là do nhầm lẫn. Nguyễn C1 và Nguyễn Văn C1 là một.

2.2. Bị đơn ông Nguyễn Tấn Q trình bày.

Nguồn gốc nhà đất số 447 tờ bản đồ số 6 xã P là do cha mẹ để lại như nguyên đơn trình bày là đúng. Cha ông tên Nguyễn Văn C1 (chết năm 2020), mẹ ông tên Nguyễn Thị L (chết năm 2018) không để lại di chúc, cũng không có nghĩa vụ gì với ai. Cha mẹ ông sinh được 09 người con gồm các ông (bà) Nguyễn Thị M, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Tấn Q (là ông), Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Tấn H3, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Tấn C và Nguyễn Tấn H5, ngoài ra cha mẹ ông không có con nuôi hay con riêng nào khác. Năm 2003 lúc cha mẹ ông còn sống có cho ông một phần đất diện tích khoảng 400m² nằm trong một phần đất tranh chấp, có ranh rào, việc tặng cho đất chỉ nói bằng miệng, chưa làm thủ tục tách thửa đứng tên. Năm 2012 ông cho con trai ông Nguyễn Tấn Q1 xây nhà trên đất. Năm 2019 ông tiếp tục cho một phần đất cho con trai ông Nguyễn Tấn Q2 xây nhà. Ông không đồng ý chia thừa kế toàn bộ thửa đất tranh chấp qua đo đạc 3.934m² theo yêu cầu của bà M. Ông chỉ đồng ý chia phần đất ông Nguyễn Tấn H5 đang quản lý và sử dụng cho những người được hưởng thừa kế khác, ông không nhận phần đất này vì ông đã được cha mẹ tặng cho đất. Riêng căn nhà cấp 4, diện tích 66,3m² do cha mẹ để lại hiện ông H5 đang quản lý sử dụng, ông đồng ý giao cho ông H5 được sở hữu, không có tranh chấp. Ngoài ra trên đất còn một số loại cây ăn trái do cha mẹ trồng như: dứa, me, vú sữa, ổi ... đã già cỗi, nên cũng không tranh chấp.

Tại phiên tòa ông vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và công nhận phần đất 400m² cha mẹ ông tặng cho ông. Việc ông cho lại đất các con ông xây nhà, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng tặng cho giữa ông và các con.

Ngày 04/11/2003 UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cha ông là Nguyễn C1 là do nhầm lẫn. Nguyễn C1 và Nguyễn Văn C1 là một.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về nguyên đơn gồm các ông (bà): Nguyễn Tấn H3, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Tấn H5, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 trình bày:

Các ông, bà thông nhất với toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về nguồn gốc nhà đất tranh chấp thửa đất số 447 tờ bản đồ số 6 xã P do cha mẹ để lại. Cha mẹ các ông, bà là Nguyễn Văn C1 (chết năm 2020) và Nguyễn Thị L (chết năm 2018) không để lại di chúc, cũng không có nghĩa vụ gì với ai. Về hàng thừa kế cha mẹ các ông, bà sinh được 09 người con như nguyên đơn, bị đơn trình bày là đúng, ngoài ra cha mẹ các ông, bà không có con nuôi hay con riêng nào khác. Nay các ông, bà đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ thửa đất số 447, tờ bản đồ số 6 xã P qua đo đạc 3.934m² do cha mẹ để lại, các ông bà xin nhận kỹ phần thừa kế của mình bằng hiện vật. Riêng căn nhà cấp 4, diện tích 66,3m² do cha mẹ để lại hiện ông H5 đang quản lý sử dụng, các ông bà thống nhất giao cho ông H5 được sở hữu, không có tranh chấp. Hai căn nhà của ông Nguyễn Tấn H3 và Nguyễn Tấn H4 và tài sản do các ông xây cất, các ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cha ông là Nguyễn C1 là do nhầm lẫn. Nguyễn C1 và Nguyễn Văn C1 là một.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về bị đơn gồm:

4.1. Các anh: Nguyễn Tấn T, Nguyễn Tân A1 trình bày: Các anh là con của ông Nguyễn Tấn H, các anh thống nhất với lời trình bày của cha các anh về nguồn gốc đất tranh chấp là do ông bà nội là Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Thị L chết để lại. Lúc còn sống ông bà nội có cho cha các anh một phần đất, cha các anh cho lại các anh để xây nhà (Nguyễn Tấn T xây nhà năm 2013, Nguyễn Tấn A xây nhà năm 2019) sử dụng đến nay, việc cho đất chỉ nói bằng miệng, cũng chưa làm thủ tục đứng tên. Nay các anh đồng ý với toàn bộ ý kiến của cha là ông Nguyễn Tấn H. Riêng 02 căn nhà do các anh xây và ở đến nay, các anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vì đây là tài sản của các anh. Việc cha các anh cho lại đất các anh, các anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc tặng cho này.

4.2. Các anh: Nguyễn Tấn Q2, Nguyễn Tấn Q1 trình bày:

Các anh là con của ông Nguyễn Tấn Q, các anh thống nhất với lời trình bày của cha các anh về nguồn gốc đất tranh chấp là do ông bà nội là Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Thị L chết để lại. Lúc còn sống ông bà nội có cho cha các anh một phần đất, cha các anh cho lại các anh để xây nhà (Nguyễn Tấn Q1 xây nhà năm 2012, Nguyễn Tấn Q2 xây nhà năm 2019) sử dụng đến nay, việc cho đất chỉ nói bằng miệng, cũng chưa làm thủ tục đứng tên. Nay các anh đồng ý với toàn bộ ý kiến của cha là ông Nguyễn Tấn Q. Riêng 02 căn nhà do các anh xây và ở đến nay, các anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vì đây là tài sản của các anh. Việc

cha các anh cho lại đất các anh, các anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết việc tặng cho này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận đã tuyên xử như sau:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 131, Điều 463 Bộ luật dân sự 1995; Các điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 5 Điều 26; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có nội dung: Chia thừa kế theo pháp luật nhà và đất thuộc thửa số 447, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.934m² tọa lạc tại thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Ông Nguyễn Tấn H5 được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc thửa 447e (tách ra từ thửa 447) tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Được quyền sở hữu các tài sản trên thửa đất 447e gồm: Nhà cấp 4C diện tích 66,3m² kết cấu móng xây đá chẻ, tường xây gạch quét vôi, nền xi măng, mái ngói, cửa gỗ.

(Theo trích lục bản đồ địa chính số 38/2023, ngày (9/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh N).

- Bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc thửa 447i (tách ra từ thửa 447) tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Được quyền sở hữu các tài sản trên thửa đất 447i gồm 20 cây táo loại già cỗi.

(Theo trích lục bản đồ địa chính số 38/2023 ngày 09/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh N).

- Ông Nguyễn Tấn H được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc các thửa 447k diện tích 178m² và 447l diện tích 233m² (tách ra từ thửa 447), tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Theo trích lục bản đồ địa chính số 38/2023, ngày 09/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh N).

- Ông Nguyễn Tấn Q được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc các thửa 447c diện tích 214m² và 447d diện tích 197m² (tách ra từ thửa 447), tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Theo trích lục bản đồ địa chính số 38/2023 ngày (9/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh N).

Ông Nguyễn Tấn H7 được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc các thửa 447m diện tích 217m² và 447h diện tích 194m² (tách ra từ thửa 447), tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Được quyền sở hữu các tài sản trên thửa đất 447h gồm 12 cây táo loại già cỗi.

(Theo trích lục bản đồ địa chính số 38/2023, ngày 09/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh N).

Ông Nguyễn Tấn H4 được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc các thửa 447n diện tích 141m² và 447g diện tích 270m² (tách ra từ thửa 447), tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Theo trích lục bản đồ địa chính số 38/2023, ngày 09/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh N).

- Ông Nguyễn Tấn C được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc thửa đất số 447f (tách ra từ thửa 447) tờ bản đồ số 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Theo trích lục bản đồ địa chính số 38/2023, ngày 09/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh N).

- Bà Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc thửa 447a (tách ra từ thửa 447) tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Theo trích lục bản đồ địa chính số 38/2023, ngày 09/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh N).

- Bà Nguyễn Thị H2 được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc thửa 447b (tách ra từ thửa 447) tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Theo trích lục bản đồ địa chính số 38/2023, ngày 09/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh N).

- Buộc ông Nguyễn Tấn H3 phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Tấn H tài sản trên đất thuộc thửa 447h số tiền 2.960.400đ (Hai triệu, chín trăm sáu mươi ngàn, bốn trăm đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Tấn H tài sản trên đất thuộc thửa 447i số tiền 4.934.000 đ (Bốn triệu, chín trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Tấn H phải có nghĩa vụ giao các thửa đất và tài sản trên đất gồm: Thửa 447i (tách ra từ thửa 447); tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho bà Nguyễn Thị M; Thửa đất sosos 447h (tách ra từ thửa 447) tờ bản đồ số 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho ông Nguyễn Tấn H3.

Các ông, bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Tấn H, Nguyễn tấn Q3, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Tấn H3, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Tấn C và Nguyễn Tấn H5 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Tấn Q về việc đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng 400m² đất thuộc một phần thửa 447, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Tấn Q về việc đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng 400m² đất thuộc một phần thửa 447, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 27/6/2023 bị đơn ông Nguyễn Tấn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Á làm đơn kháng cáo: *Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm theo hướng tuyên hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước.*

Ngày 08/7/2023 ông Á, ông H gửi đơn kháng cáo bổ sung nội dung kháng cáo xác định lại nội dung kháng cáo như sau: *Yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước để xác định di sản của ông bà nội ông để lại là phần diện tích không có tài sản của các ông để chia thừa kế và yêu cầu xác định diện tích đất khi ông bà nội ông còn sống đã tặng cho con cháu, đã giao con cháu sử dụng, đã bỏ công đầu tư tôn tạo, giữ gìn thì không phải là di sản.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Á tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký, các đương sự tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 27/6/2023 bị đơn ông Nguyễn Tấn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Á nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Tấn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Á không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án “*Chia thừa kế tài sản theo pháp luật; Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” là có căn cứ.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Á, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Về nguồn gốc tài sản tranh chấp: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều xác nhận thửa đất số 447, diện tích 3.927m² (thực tế đo đạc diện tích 3.934m²), tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 014220, ngày 04/11/2003 tên Nguyễn C1 là của cụ Nguyễn Văn C1, cụ Nguyễn Thị L là cha mẹ của các đương sự tạo lập. Cụ Nguyễn Văn C1 chết năm 2020, cụ Nguyễn Thị L chết năm 2018 vì vậy thửa đất số 447, diện tích 3.927m² (thực tế đo đạc diện tích 3.934m²), tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là di sản thừa kế của cụ C1 cụ L chết để lại.

[3.2]. Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất năm 2003 giữa cụ Nguyễn Văn C1, cụ Nguyễn Thị L với các ông Nguyễn Tấn H, ông Nguyễn Tấn Q:

[3.2.1]. Các bị đơn ông Nguyễn Tấn H và ông Nguyễn Tấn Q cho rằng phần

đất các ông đang quản lý, sử dụng là cho cha mẹ các ông là cụ C1 và cụ L tặng cho các ông năm 2003 lúc còn sống (trong đó tặng cho ông H 800m², tặng cho ông Q 400m²), có ranh rào, việc tặng cho chỉ nói bằng miệng. Hiện các thửa đất tặng cho cũng chưa được thực hiện thủ tục tách thửa, sang tên cho các ông theo quy định. Trong quá trình giải quyết quyết cũng như tại phiên tòa ông H, ông Q không xuất trình được giấy tờ, tài liệu, chứng cứ về việc tặng cho đất. Mặt khác, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh, chị em của ông H, ông Q không thừa nhận có việc cha mẹ cho đất ông H và ông Q.

[3.2.2]. Xét thấy: Việc tặng cho đất giữa cụ Nguyễn Văn C1, cụ Nguyễn Thị L với các ông Nguyễn Tấn H, ông Nguyễn Tấn Q vô hiệu cả về hình thức và nội dung theo quy định của khoản 4 Điều 131 và khoản 1, 2 Điều 463 Bộ luật dân sự 1995 tương ứng là các điều 457, 459 Bộ luật dân sự 2015. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của các ông Nguyễn Tấn H, Nguyễn Tấn Q có nội dung: *công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và công nhận cho các ông được quyền sử dụng phần đất tặng cho (trong đó tặng cho ông H 800m², tặng cho ông Q 400m²)* là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu chia thừa kế diện tích 3.934m² đất thuộc thửa số 447, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn V, xã P, huyện N theo pháp luật của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M:

[4.1] Xác định di sản thừa kế: Cụ Nguyễn Văn C1 (Nguyễn C1), chết năm 2020 và cụ Nguyễn Thị L, chết năm 2018 không để lại di chúc, cũng chưa định đoạt tài sản của mình cho người thừa kế. Nên tài sản là 3.934m² đất và căn nhà cấp 4C thuộc thửa số 447, tờ bản đồ số 6 xã P là di sản do cụ C1, cụ L chết để lại. Căn cứ vào các điều 611, 612, 650 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế là diện tích 3.934m² đất thuộc thửa số 447, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn V, xã P, huyện N theo pháp luật.

Theo biên bản định giá ngày 26/02/2023 (BL 73): Nhà cấp 4C diện tích 66,3m², kết cấu móng xây đá chẻ, tường xây gạch quét vôi, nền xi măng, mái ngói, cửa gỗ giá trị 64.974.000^d. Đất 3.934m² đất thuộc thửa số 447, tờ bản đồ số 6 xã P (đất trồng cây hàng năm khác) trị giá: 129.822.000^d (Cách tính 3.934m² x 33.000^d).

[4.2] Về hàng thừa kế: Cụ C1 và cụ L không có con riêng, con nuôi. Các ông, bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Tấn Q, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn

Tán H3, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Tấn C và Nguyễn Tấn H5 là các con đẻ của cụ C1 và cụ L thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

[4.3] Tại công văn trả lời số 2687/UBND-NC ngày 21/5/2024 của UBND huyện N có nội dung (BL 182): *Theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện N được UBND tỉnh N phê duyệt tại Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 và Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã P, huyện N được UBND huyện N phê duyệt tại Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 thì thửa đất số 447, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã P, huyện N được quy hoạch một phần là đất giao thông, một phần là đất ở tại nông thôn.* Tòa án cấp sơ thẩm đã chia thừa kế di sản của các cụ Nguyễn Văn C1 (Nguyễn C1) và cụ Nguyễn Thị L là 3.934m² cho các thừa kế bằng hiện vật: mỗi người được 411m² và có chừa diện tích 146m² đất làm lối đi chung theo quy định tại khoản 3 Điều 254 Bộ luật dân sự 2015 là phù hợp với điểm g khoản 2 Điều 1 của Quy định về diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 85/2014/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh N (BL 186).

[4.4] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ mới, khác.

[4.5] Tại giai đoạn phúc thẩm chị Phan Thị Thu H6 là vợ anh Nguyễn Tấn T có đơn trình bày: căn nhà cấp 4 trên đất tranh chấp là tài sản chung của chị và anh T. Nếu Tòa án giao cho ai được sở hữu thì hoàn lại giá trị cho vợ chồng tôi. Đề nghị Tòa án đưa chị vào tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm.

Xét thấy: Tòa án đã đưa chị H6 vào tham gia tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H6 đồng ý không yêu cầu giải quyết trong vụ án này và sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Tấn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn Á; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước. Các phần khác của

bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về chi phí tố tụng và án phí:

[6.1] Chi phí định giá và thẩm định tại chỗ và trích lục thửa đất là 16.115.050^d do nguyên đơn bà Nguyễn Thị M nộp tạm ứng. Buộc các ông, bà: H, Q, H1, H2, H6, H4, C và H5 mỗi người phải hoàn trả cho bà M số tiền 1.790.500^d (Cách tính: 16.115.050^d : 09).

[6.2] Án phí:

[6.2.1] Án phí DSST:

- Ông H5 phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận là đất và nhà là: 3.926.000^d (Ba triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn đồng). [(Cách tính: 13.563.000^d + 64.974.000^d) x 5%].

- Ông H phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận là: 978.000^d (Chín trăm bảy mươi tám ngàn đồng). [(Cách tính: 13.563.000^d x 5%) + 300.000^d án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không được chấp nhận. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 300.000^d theo biên lai thu số 0000929, ngày 13/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước. Ông H còn phải nộp 678.000^d (Sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng) tiền án phí DSST.

- Ông Q phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận là: 978.000^d (Chín trăm bảy mươi tám ngàn đồng). [(Cách tính: 13.563.000^d x 5%) + 300.000^d án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không được chấp nhận. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 300.000^d theo biên lai thu số 0000928, ngày 13/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước. Ông Q còn phải nộp 678.000^d tiền án phí DSST.

- Ông H6 phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận là đất và cây trồng trên đất: 826.000^d (T1 trăm hai mươi sáu ngàn đồng). Cách tính (13.563.000^d + 2.960.400^d) x 5%].

- Ông H4 phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận là đất: 678.000^d (Sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng). (Cách tính: 13.563.000^d x 5%).

- Ông C phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận là đất: 678.000^d (Sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng). (Cách tính: 13.563.000^d x 5%).

- Bà H1 phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận là đất: 678.000^d (Sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng). (Cách tính: 13.563.000^d x 5%).

- Bà H2 phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận là đất: 678.000^d (Sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng). (Cách tính: 13.563.000^d x 5%).

- Riêng bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí, nên miễn án phí DSST cho bà M theo quy định của pháp luật.

[6.2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn ông Nguyễn Tấn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Á mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Á.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 254; Các điều 457, 459, 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có nội dung: Chia thừa kế theo pháp luật nhà và đất thuộc thửa số 447, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.934m² tọa lạc tại thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Nguyễn Tấn H5 được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc thửa 447e (tách ra từ thửa 447) tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Được quyền sở hữu các tài sản trên thửa đất 447e gồm: Nhà cấp 4C diện tích 66,3m², kết cấu móng xây đá chẻ, tường xây gạch quét vôi, nền xi măng, mái ngói, cửa gỗ.

- Bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc thửa 447i (tách ra từ thửa 447) tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Được quyền sở hữu các tài sản trên thửa đất 447i gồm 20 cây táo loại già cỗi.

- Ông Nguyễn Tấn H được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc các thửa 447k diện tích 178m² và 447l diện tích 233m² (tách ra từ thửa 447), tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Nguyễn Tấn Q được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc các thửa 447c diện tích 214m² và 447d diện tích 197m² (tách ra từ thửa 447), tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Nguyễn Tấn H3 được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc các thửa 447m diện tích 217m² và 447h diện tích 194m² (tách ra từ thửa 447), tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Được quyền sở hữu các tài sản trên thửa đất 447h gồm 12 cây táo loại già cỗi.

- Ông Nguyễn Tấn H4 được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc các thửa 447n diện tích 141m² và 447g diện tích 270m² (tách ra từ thửa 447), tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Nguyễn Tấn C được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc thửa 447f (tách ra từ thửa 447) tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc thửa 447a (tách ra từ thửa 447) tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Thị H2 được quyền sử dụng diện tích đất 411m² (loại đất HNK) thuộc thửa 447b (tách ra từ thửa 447) tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Buộc ông Nguyễn Tấn H3 phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Tấn H tài sản trên đất thuộc thửa 447h số tiền 2.960.400^d (*Hai triệu, chín trăm sáu mươi ngàn, bốn trăm đồng*).

- Buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Tấn H tài sản trên đất thuộc thửa 447i số tiền 4.934.000^d (*Bốn triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn đồng*).

- Buộc ông Nguyễn Tấn H phải có nghĩa vụ giao các thửa đất và tài sản trên đất gồm: Thửa 447i (tách ra từ thửa 447) tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho bà Nguyễn Thị M; Thửa đất số 447h (tách ra từ thửa 447) tờ bản đồ 06 thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho ông Nguyễn Tấn H3.

Các ông, bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Tấn Q, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Tấn H3, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Tấn C và Nguyễn Tấn H5 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Tấn H: đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng 800m² đất thuộc một phần thửa 447, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Tấn Q: đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng 400m² đất thuộc một phần thửa 447, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. Về chi phí định giá tài sản:

Buộc các ông (bà) Nguyễn Tấn H, Nguyễn Tấn Q, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Tấn H3, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Tấn C và Nguyễn Tấn H5 mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 1.790.500^d (*Một triệu bảy trăm chín mươi ngàn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn H5 phải chịu án phí DSST số tiền là 3.926.000^d (*Ba triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn đồng*).

Ông Nguyễn Tấn H phải chịu án phí DSST có giá ngạch số tiền là 678.000^d và 300.000^d án phí DSST không có giá ngạch đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm ngàn*) theo biên lai thu số 0000929, ngày 13/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước. Ông H còn phải nộp 678.000^d (*Sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng*) tiền án phí DSST.

Ông Nguyễn Tấn Q phải chịu án phí DSST có giá ngạch số tiền là 678.000^d và 300.000^d án phí DSST không có giá ngạch đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm ngàn*) theo biên lai thu số 0000928, ngày 13/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước. Ông Q còn phải nộp 678.000^d (*Sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng*) tiền án phí DSST.

Ông Nguyễn Tấn H3 phải chịu án phí DSST số tiền là 826.000^d (*Tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng*).

Ông Nguyễn Tấn H4 phải chịu án phí DSST số tiền là 678.000^d (*Sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng*).

Ông Nguyễn Tấn C phải chịu án phí DSST số tiền là 678.000^d (Sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí DSST số tiền là 678.000^d (Sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị H2 phải chịu án phí DSST số tiền là 678.000^d (Sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Miễn án phí DSST cho bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Tấn H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008263 ngày 12/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Tấn A phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008264 ngày 12/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Ông A đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(Kèm theo Theo trích lục bản đồ địa chính số 38/2023, ngày 09/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh N).

Nơi nhận:

- Đương sự (14);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Ninh Phước (1);
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Trang

